

NHỚ ƠN QUÂN DÂN CÁN CHÍNH VIỆT NAM CỘNG HÒA

Trần Gia Phụng



Muốn tìm hiểu sự nghiệp cao cả của Quân Dân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa đã hy sinh vì tự do dân chủ của đất nước, trước hết xin hãy ôn lại sơ lược sự ra đời của chế độ này.

Việt Nam Cộng Hòa là hậu thân của chế độ Quốc Gia Việt Nam. Nguyên sau khi cướp được quyền hành năm 1945, Việt Minh cộng sản đàn áp và tiêu diệt tất cả những ai không cùng khuynh hướng chính trị. Những thành phần không cộng sản, theo đuổi lý tưởng tự do dân chủ, tập hợp dưới sự lãnh đạo của Cựu Hoàng Bảo Đại (1913-1997), tạm thời liên kết với Pháp để chống Việt Minh cộng sản độc tài, bạo ngược. Năm 1949, Cựu Hoàng Bảo Đại và Tổng Thống Pháp là Vincent Auriol (1884-1966) ký kết hiệp định Élysée tại Paris, theo đó Pháp chính thức giải kết hòa ước bảo hộ năm 1884, và trao trả độc lập lại cho Việt Nam dưới sự điều khiển của Quốc Trưởng Bảo Đại. Từ đó, chế độ Quốc Gia Việt Nam chính thức hình thành.

Năm 1954, đất nước bị chia hai ở sông Bến Hải (vĩ tuyến 17) bằng hiệp định Genève. Việt Minh cộng sản cai trị phía Bắc, và chính phủ Quốc Gia ở phía Nam. Quốc Trưởng Bảo Đại cử ông Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng ngày 7.7.1954. Sau cuộc trưng cầu dân ý ngày 23.10.1955, ông Ngô Đình Diệm (1901-1963) tuyên bố thành lập chế độ Việt Nam Cộng Hòa ngày 26.10.1955.

Trong khi chính phủ Ngô Đình Diệm chưa sẵn sàng để tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước theo quy định của Hiệp Định Genève, thì trong đại hội lần thứ 20 đảng cộng sản Liên Xô vào tháng 2.1956, lãnh tụ mới của Liên Xô là Nikita Khrushchev (1894-1971) vạch tội Joseph Stalin (1879-1953) và đưa ra chính sách "sống chung hòa bình" giữa các nước không cùng chế độ chính trị. Theo chủ trương này, vào đầu năm 1957, chính phủ Liên Xô đề nghị hai miền Bắc và Nam Việt Nam cùng vào Liên Hiệp Quốc như hai nước riêng biệt. Chính phủ Bắc Việt quyết liệt phản đối đề nghị này. (1)

Bắc Việt chống lại đề nghị ban đầu của Liên Xô đưa hai miền Bắc và Nam Việt Nam cùng vào Liên Hiệp Quốc vì Bắc Việt cương quyết tiến hành chiến tranh xâm lăng miền Nam. Tại hội nghị ngày 13.5.1959 ở Hà Nội, trung ương đảng lao động (tức đảng cộng sản) ra nghị quyết thống nhất đất nước tức đánh chiếm miền Nam bằng võ lực. (2) Nghị quyết này được lập lại trong đại hội 3 đảng lao động, khai diễn từ ngày 5.9 đến ngày 10.9.1960, mệnh danh là “Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà”, đưa ra hai mục tiêu lớn của đảng lao động là xây dựng miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa và “giải phóng” miền Nam bằng võ lực. (3)

Do việc Bắc Việt không chịu chung sống hòa bình để chờ ngày thống nhất, cương quyết xâm lăng miền Nam, nên Việt Nam Cộng Hòa phải tự vệ và nhờ Hoa Kỳ viện trợ để bảo vệ tự do dân chủ ở miền Nam.

Chúng tôi phải dài dòng vào đề như thế để quý vị thấy rằng ngay từ đầu, vì lý do tự vệ chính đáng, Quốc Gia Việt Nam, rồi Việt Nam Cộng Hòa không còn con đường chọn lựa nào khác là phải liên kết với Pháp, rồi với Mỹ để chống cộng. Cộng sản Việt Nam khai thác sự liên kết công khai này và vu cáo rằng Quân Lực Quốc Gia Việt Nam cũng như Việt Nam Cộng Hòa là tay sai của Pháp và Mỹ, gây hiểu lầm nơi nhiều người, nhưng thử hỏi nếu những thanh niên Việt Nam không gia nhập Quân Đội thì lấy ai chiến đấu chống cộng sản? Và nếu Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, rồi Việt Nam Cộng Hòa không nhờ sự trang bị của Pháp rồi của Mỹ thì lấy vũ khí đâu để chống cộng sản? Trong khi đó, cộng sản Bắc Việt được Liên Xô, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa và toàn khối cộng sản quốc tế yểm trợ từ đầu cho đến cuối, mà cho đến ngày nay, cộng sản Trung Hoa cũng còn yểm trợ cộng sản Việt Nam.

Chúng ta phải giải tỏa rõ ràng điểm này chẳng những đối với người Việt mà với quốc tế nữa, để thấy rằng những Quân Dân Cán Chính, những chiến sĩ anh hùng Quốc Gia Việt Nam và Việt Nam Cộng Hòa là những người đã hy sinh xương máu, chiến đấu để bảo tự do dân chủ cho một vùng đất sinh tồn, một xã hội dân chủ, một khoảng không gian sinh hoạt cho những người không cộng sản, yêu chuộng nếp sống tự do dân chủ, có thể tiếp tục tồn tại từ 1954 đến 1975. Có thể nói, nếu không có họ, thì không có mảnh đất tương đối tự do dân chủ cho 20 triệu đồng bào miền Nam trong suốt 21 năm đó.

Cũng chính nhờ sự hiện hữu của mảnh đất tương đối tự do đó, nền văn hóa cổ truyền và nền văn minh Việt Nam được bảo lưu cho đến ngày nay, mà không bị lai tạo do nhu cầu chính trị cộng sản. Thơ văn, lịch sử không bị sửa đổi để phục vụ chế độ. Tôn giáo được tự do phát triển để duy trì đời sống tâm linh, nuôi dưỡng tinh thần dân tộc. Trong khi đó, ở ngoài Bắc, dưới sự cai trị của cộng sản, tập tục văn hóa bị thay đổi, luân thường đạo lý bị đảo lộn, chùa chiền nhà thờ bị hủy diệt, lịch sử bị bóp méo, thơ văn chỉ một giọng ca tụng “bác và đảng”...

Hai mươi một năm trong không khí tự do dân chủ, ít nhất là một thế hệ người Việt Nam hoàn toàn trưởng thành. Ngoài ra, còn nhiều thế hệ trước cũng như sau thế hệ đó được hưởng và hiểu thế nào là tự do dân chủ. Điều này rất cần thiết vì những người đã sống trong không khí tự do dân chủ Việt Nam Cộng Hòa là những hạt nhân tự do dân chủ mà cộng sản không thể nào chế ngự được. Ở trong cũng như ngoài nước, những hạt nhân này đang tiếp tục sinh sôi nảy nở và chống lại sự chuyên chế của cộng sản. Những hạt nhân này tồn tại mãi mãi, nên chẳng những cộng sản không bao giờ có thể độc tôn trí tuệ hay tâm tư của người Việt Nam, mà cộng sản càng ngày càng bị đẩy lùi vào bóng tối quá khứ.

Trên bình diện quốc tế, cần phải nhấn mạnh là chính sự chiến đấu của Quân Dân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa nếu không chặn đứng, cũng đã làm chậm lại sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản xuống Đông Nam Á, nên nhân dân các nước

Đông Nam Á không bị nhuộm đỏ. Họ được hưởng hòa bình nhờ sự hy sinh của Quân Dân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa, và nhờ thế họ có thời gian và cơ hội phát triển đất nước như ngày nay.

Cũng chính nhờ có Quân Dân Cán Chính và nhờ có sự chiến đấu của họ, mới có tình chiến hữu với các nước Đồng Minh. Chiến sĩ và nhân dân các nước này đã một thời chia sẻ tâm tư nguyện vọng với chiến sĩ và dân chúng Việt Nam Cộng Hòa. Chính nhờ tình chiến hữu đồng minh, mà các nước này đã mở rộng vòng tay đón nhận người tỵ nạn Việt Nam sau năm 1975. Thử xem lại những nước mà người Việt định cư đông nhất là những nước nào ? Đó là những nước Đồng Minh trước kia đã từng sát cánh chiến đấu cùng Quân Dân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa, như Pháp, Hoa Kỳ, Úc, Gia Nã Đại...

Do đó, là những người Việt Nam ở Hải ngoại ngày hôm nay, chúng ta đã hai lần mang ơn những chiến sĩ Quân Dân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa: Họ đã hy sinh bảo vệ miền Nam trong suốt 21 năm cho chúng ta sinh sống, và họ đã mở sẵn con đường tình nghĩa để cho chúng ta ra đi tỵ nạn sau năm 1975, vì nếu không có họ, thì chưa chắc thế giới đã mở rộng vòng tay dễ dàng đón nhận chúng ta. Chính hàng triệu người Việt bỏ nước ra đi đã quay trở lại cứu giúp đồng bào mình thoát khỏi nạn đói do chính sách kinh tế chỉ huy sai lầm của cộng sản sau năm 1975, và ngày nay Cộng Đồng Việt Nam ở hải ngoại là động lực thúc đẩy những thay đổi đang dần dần diễn ra ở trong nước.

Một đặc tính nổi bật khác của công cuộc chiến đấu của Quân Dân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa chính là họ không chiến đấu vì cá nhân một lãnh tụ mà họ chiến đấu vì Quốc Gia, vì Dân Tộc. Những chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa nói chung không trung thành với cá nhân ông Ngô Đình Diệm, ông Dương Văn Minh (1916-2001), hay ông Nguyễn Văn Thiệu (1923-2001), mà họ trung thành với Tổ Quốc, với Dân Tộc. Họ chiến đấu vì sự sống còn của Việt Nam Cộng Hòa. Họ không chiến đấu vì một đảng phái chính trị nào như những cán binh cộng sản Bắc Việt cho đảng lao động tức đảng cộng sản Việt Nam. Họ cũng không chiến đấu cho quyền lợi ngoại bang như ông Lê Duẩn (1908-1986) đã tuyên bố về mục đích tấn công miền nam của cán binh cộng sản Bắc Việt: "Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc". (4)

Quân Dân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa không hiếu chiến, không gây hấn, không muốn tàn sát đồng loại, nhưng ở thế tự vệ, họ phải chiến đấu. Bất đắc dĩ phải cầm súng chống lại những người ở chiến tuyến bên kia, dầu sao cũng là đồng bào của mình, nhưng với lương tâm dân tộc, với trái tim người Việt, những Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa luôn luôn thao thức về số phận đồng bào và tương lai đất nước. Vì vậy mới xuất hiện một số thơ văn và bài hát ca tụng hòa bình hay phản chiến ở miền Nam. Trong khi đó, cán binh cộng sản chỉ biết chém giết, hận thù, anh hùng cá nhân và hoàn toàn không có một chút thương xót đồng bào tử nạn. Trước năm 1975, ngoài Bắc không có một bài hát ca tụng hòa bình đã đành, mà sau năm 1975, cho đến hôm nay, năm 2003, thưa các bạn nhớ kỹ cho là năm 2003, trong khi dân chúng trên toàn quốc làm lễ cúng giỗ tưởng niệm bà con là những người đã tử nạn trong chiến cuộc Tết Mậu Thân 1968, thì cộng sản Việt Nam lại làm lễ ăn mừng trận đánh năm này. (5) Cộng sản ăn mừng trên sự đau khổ của đồng bào Việt Nam, trong đó có cả gia đình những cán binh cộng sản ở ngoài Bắc cũng như ở trong Nam đã bỏ mình trong trận đánh này.

Trong một thời gian dài, do những âm mưu tuyên truyền thâm độc, do những vận động phản chiến, có một số người không hiểu hay hiểu lầm sự hy sinh của những người đã bảo vệ nền Cộng Hòa non trẻ của chúng ta. Khi Bắc Việt cộng sản tràn vào chiếm được miền Nam, thi hành chế độ độc tài đảng trị chuyên chế, những

người đó mới sáng mắt ra và mới ý thức được giá trị của sự hy sinh trước đây của Quân Dân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa. Cuộc bỏ phiếu bằng chân vĩ đại của dân chúng Việt Nam sau năm 1975, bất chấp hiểm nguy, đã vượt biên ồ ạt làm rung động cả lương tâm nhân loại. Rồi sự sụp đổ của chế độ cộng sản Liên Xô và Đông Âu, một lần nữa có giá trị lịch sử biện minh mạnh mẽ cho sự hy sinh chiến đấu của Quân Dân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa. Họ là những anh hùng sống, chiến đấu và hy sinh vì nền tự do dân chủ chẳng những của Việt Nam mà cả của nhân dân thế giới.

Sự hy sinh của Quân Dân Cán Chính Quốc Gia Việt Nam và Việt Nam Cộng Hòa quá vĩ đại và vô hạn, không thể nào trình bày hết được trong một bài viết ngắn. Có lẽ tốt nhất, xin mọi người nhớ lại câu văn bất hủ của nhà văn Roumania gốc Do Thái, Elie Wiesel, giải Nobel Hòa bình năm 1986. Trong tác phẩm Night (Đêm), ông đã viết một câu thật đáng nhớ: “Được sống sót là mắc nợ những người đã chết...Ai không nhớ đến những người đã chết là thêm một lần nữa phản bội họ”. (Nguyễn Ước dịch).

Và như trên đã viết, chúng ta, những người Việt ra hải ngoại sinh sống sau năm 1975, đã hai lần mắc nợ công ơn của những Quân Dân Cán Chính Quốc Gia Việt Nam và Việt Nam Cộng Hòa, xin đừng để phải mắc nợ lần thứ ba hay lần thứ tư nữa.

Trần Gia Phụng